

Số: 4584/QĐ-UBND

Kim Thành, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bộ tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng
TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Kim Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 29/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Kế hoạch số 848/KH-UBND ngày 15/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và áp dụng Bộ tài liệu của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của UBND huyện Kim Thành đã được phê duyệt (có danh mục đính kèm)

Điều 2. Thủ trưởng các Phòng tham gia thủ tục hành chính thực hiện ISO căn cứ chức năng nhiệm vụ, chịu trách nhiệm triển khai thực hiện tại đơn vị theo đúng các quy trình được quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Ban chỉ đạo ISO và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Viết Tuấn

DANH MỤC TÀI LIỆU CỦA HỆ THỐNG

STT	TÊN TÀI LIỆU	KÝ HIỆU	Điều khoản TCVN ISO 9001:2015
1	Sổ tay chất lượng	STCL	4.4
2	Quy trình kiểm soát thông tin (tài liệu và hồ sơ)	QT-UBND01	7.5
3	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-UBND02	9.2
4	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT-UBND03	8.7
5	Quy trình kiểm soát rủi ro	QT-UBND04	6.1
6	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo	QT-UBND05	9.3
7	Quy trình quản lý văn bản đi và văn bản đến	QT-UBND06	4.4
8	Quy trình đo lường sự thỏa mãn của khách hàng	QT-UBND07	9.1.2
9	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT-KT01	8.5
10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT-KT02	8.5
11	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT-KT03	8.5
12	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KT04	8.5
13	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KT05	8.5
14	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-KT06	8.5
15	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KT07	8.5
16	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KT08	8.5
17	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-KT09	8.5
18	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai	QT-KT10	8.5
19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai	QT-KT11	8.5
20	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai	QT-KT12	8.5
21	Thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-KT13	8.5
22	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-KT14	8.5
23	Thủ tục cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng	QT-KT15	8.5
24	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong	QT-KT16	8.5

	đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
25	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KT17	8.5
26	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KT18	8.5
27	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/DA) và nhà ở riêng lẻ	QT-KT19	8.5
28	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KT20	8.5
29	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong, đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-KT21	8.5
30	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	QT-KT22	8.5
31	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-TP01	8.5
32	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-TP02	8.5
33	Ghi sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP03	8.5
34	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-TP04	8.5
35	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-TP05	8.5
36	Đăng ký nhận cha mẹ con có yếu tố nước ngoài	QT-TP06	8.5
37	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha mẹ con có yếu tố nước ngoài	QT-TP07	8.5

38	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-TP08	8.5
39	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	QT-TTr01	8.5
40	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	QT-TTr02	8.5
41	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT-TTr03	8.5
42	Tiếp công dân tại cấp huyện	QT-TTr04	8.5
43	Xử lý đơn thư tại cấp huyện	QT-TTr05	8.5
44	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QT-TTr06	8.5
45	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-LĐ 01	8.5
46	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-LĐ 02	8.5
47	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-LĐ 03	8.5
48	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-LĐ 04	8.5
49	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-LĐ 05	8.5
50	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-LĐ 06	8.5
51	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-LĐ 07	8.5
52	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội QT-LĐ 05 cấp tỉnh, cấp huyện	QT-LĐ 08	8.5
53	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT-LĐ 09	8.5
54	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT-LĐ 10	8.5
55	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT-LĐ 11	8.5
56	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ	QT-LĐ 12	8.5

	giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.		
57	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-LĐ 13	8.5
58	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT-LĐ 14	8.5
59	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng	QT-LĐ 15	8.5
60	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-LĐ 16	8.5
61	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng	QT-LĐ 17	8.5
62	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng	QT-LĐ 18	8.5
63	Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-LĐ 19	8.5
64	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-TC01	8.5
65	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-TC02	8.5
66	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-TC03	8.5
67	Đăng ký hợp tác xã	QT-TC04	8.5
68	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT-TC05	8.5
69	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	QT-TC6	8.5
70	Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; tặng danh hiệu Lao động tiên tiến; tặng Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề; tặng Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	QT-NV01	8.5
71	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT-NV02	8.5
72	Xét tặng danh hiệu Làng, KDC văn hóa hằng năm	QT-VH05	8.5
73	Xét tặng Giấy khen cho Làng, KDC văn hóa hằng năm	QT-VH06	8.5
74	Đăng ký tổ chức Lễ hội	QT-VH07	8.5
75	Thông báo tổ chức Lễ hội	QT-VH08	8.5
76	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VH10	8.5
77	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công	QT-VH11	8.5

	cộng		
78	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VH12	8.5
79	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-VH13	8.5
80	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT-GD01	8.5
81	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-GD02	8.5
82	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-GD03	8.5
83	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT-GD04	8.5
84	Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-GD05	8.5
85	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-GD06	8.5
86	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng xã, thị trấn	QT-GD07	8.5
87	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QT-TN01	8.5
88	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	QT-TN02	8.5
89	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT-TN03	8.5
90	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT-TN04	8.5
91	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.	QT-TN05	8.5
92	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT-TN06	8.5
93	Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	QT-TN07	8.5
94	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân.	QT-TN08	8.5
95	Giấy phép môi trường	QT-TN09	8.5